

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định gia hạn nợ
trong hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Quyết định số 16/2003/QĐ-TTg ngày 22/01/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Quyết định số 08/2021/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 37/NQ-HĐQT ngày 11/8/2022 phiên họp Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội Quý II năm 2022;

Xét đề nghị của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

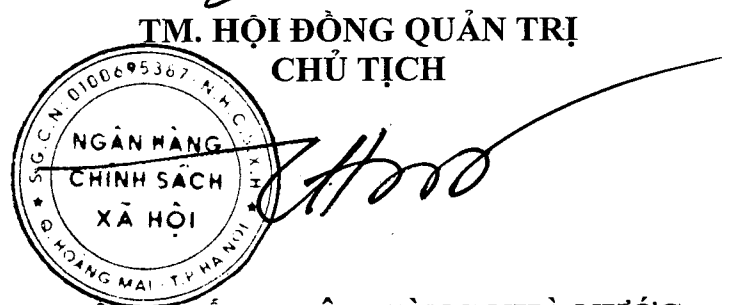
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định gia hạn nợ trong hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 3. Tổng Giám đốc, Giám đốc các Ban, Trung tâm tại Hội sở chính, Giám đốc Sở giao dịch, Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội cấp tỉnh, Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện, khách hàng vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Thành viên HĐQT;
- Hội Liên hiệp Phụ nữ VN, Hội Nông dân VN, Hội Cựu chiến binh VN, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh;
- Tổng Giám đốc;
- Trưởng Ban kiểm soát;
- Các Phó Tổng Giám đốc;
- Kế toán trưởng;
- Lưu: VT, TDNN.



THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
Nguyễn Thị Hồng



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Gia hạn nợ trong hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội
(Ban hành kèm theo Quyết định số 54/QĐ-HĐQT ngày 15 tháng 9 năm 2023
của Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Văn bản này quy định về nghiệp vụ gia hạn nợ đối với khách hàng vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) theo quy định tại:

1. Khoản 2 Điều 17 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.
2. Khoản 2 Điều 14 Quyết định số 16/2003/QĐ-TTg ngày 22/01/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê chuẩn Điều lệ về tổ chức và hoạt động của NHCSXH.
3. Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH; Quyết định số 08/2021/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ngân hàng Chính sách xã hội.
2. Khách hàng vay vốn tại NHCSXH (sau đây gọi chung là khách hàng).
3. Tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình thực hiện cho vay và gia hạn nợ tại NHCSXH.

Điều 3. Gia hạn nợ

Gia hạn nợ là việc NHCSXH cho phép khách hàng được kéo dài thời hạn trả nợ đã cam kết trong Hợp đồng tín dụng/Sổ vay vốn. Trong thời gian gia hạn nợ, khách hàng vẫn phải trả lãi tiền vay.

Điều 4. Nguyên tắc gia hạn nợ

1. Việc gia hạn nợ cho khách hàng đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, khách quan, minh bạch.

2. Các khoản cho vay tại NHCSXH bằng nguồn vốn tài trợ ủy thác đầu tư theo từng Hiệp định hoặc Hợp đồng ủy thác đầu tư của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước với NHCSXH thì việc gia hạn nợ thực hiện theo quy định của Hiệp định hoặc Hợp đồng ủy thác đầu tư đã ký kết.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Mục 1

GIA HẠN NỢ THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 78/2002/NĐ-CP VÀ QUYẾT ĐỊNH SỐ 16/2003/QĐ-TTg

Điều 5. Điều kiện gia hạn nợ

Khách hàng được xem xét gia hạn nợ khi có đủ các điều kiện sau:

1. Khách hàng thuộc đối tượng được vay vốn theo quy định, sử dụng vốn vay đúng mục đích.

2. Khách hàng gặp khó khăn về tài chính do nguyên nhân khách quan quy định tại Điều 6 Quy định này dẫn đến khách hàng chưa trả được nợ đúng theo thời hạn đã cam kết.

Điều 6. Nguyên nhân khách quan được xem xét gia hạn nợ

1. Khách hàng không bị thiệt hại về vốn, tài sản nhưng gặp khó khăn về tài chính chưa trả được nợ đúng theo thời hạn đã cam kết do các nguyên nhân khách quan sau:

a) Các loại thiên tai theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai; dịch họa, hỏa hoạn; các dịch bệnh liên quan tới vật nuôi và cây trồng xảy ra làm ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của khách hàng.

b) Nhà nước thay đổi chính sách làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của khách hàng: không còn nguồn cung cấp nguyên vật liệu; mặt hàng sản xuất, kinh doanh bị cấm, hạn chế theo quy định của pháp luật; khách hàng phải thực hiện việc chuyển đổi sản xuất, kinh doanh theo quyết định của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền; thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

c) Tác động của tình hình kinh tế - xã hội, dịch bệnh làm ảnh hưởng đến việc làm và thu nhập của khách hàng: mất việc làm, chưa có việc làm ổn định, chưa nhận được tiền công, tiền lương, tiền bán sản phẩm.

d) Khách hàng là cá nhân hoặc có thành viên khác trong hộ gia đình bị ốm đau, tai nạn.

2. Khách hàng chưa thu hoạch được sản phẩm, thời gian thu hoạch sản phẩm bị kéo dài so với dự kiến hoặc chưa tiêu thụ được sản phẩm.

3. Các nguyên nhân khác quy định tại Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (nếu có).

Điều 7. Thời gian gia hạn nợ

1. Thời gian gia hạn nợ được tính từ ngày đến hạn trả nợ cuối cùng của khoản vay.

2. Thời gian gia hạn nợ (bao gồm gia hạn nợ tại Mục 1 và Mục 2 Quy định này) của từng chương trình tín dụng do Tổng Giám đốc NHCSXH quy định cụ thể, nhưng tối đa là 12 tháng đối với các khoản cho vay ngắn hạn và tối đa 1/2 thời hạn cho vay đối với các khoản cho vay trung và dài hạn (tính theo thời gian cho vay ban đầu khi ký kết vay vốn), trừ các trường hợp Thủ tướng Chính phủ có quy định riêng (nếu có).

3. Khách hàng có thể được gia hạn nợ một hay nhiều lần đối với một khoản vay. Căn cứ vào nguyên nhân khách quan, điều kiện trả nợ của khách hàng, Tổng Giám đốc NHCSXH xem xét quyết định thời gian gia hạn nợ từng lần cho khách hàng, nhưng tổng thời gian gia hạn nợ các lần không vượt quá thời gian quy định tại khoản 2 Điều này.

Trường hợp Tổng Giám đốc ủy quyền cho Giám đốc NHCSXH nơi cho vay quyết định gia hạn nợ thì việc xem xét quyết định thời gian gia hạn nợ từng lần cho khách hàng do Giám đốc NHCSXH nơi cho vay thực hiện, nhưng tổng thời gian gia hạn nợ các lần không vượt quá thời gian quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 8. Hồ sơ gia hạn nợ

1. Khách hàng vay vốn theo phương thức cho vay ủy thác: Giấy đề nghị gia hạn nợ (mẫu số 09A/TD).

2. Khách hàng vay vốn theo phương thức cho vay trực tiếp: Giấy đề nghị gia hạn nợ (mẫu số 09B/TD).

Điều 9. Trình tự thực hiện gia hạn nợ đối với khách hàng vay vốn theo phương thức cho vay ủy thác

1. Khách hàng

Trước ngày đến hạn trả nợ cuối cùng, tối đa 03 tháng và tối thiểu 05 ngày làm việc, do nguyên nhân quy định tại Điều 6 Quy định này dẫn đến chưa trả được nợ và có nhu cầu gia hạn nợ, khách hàng lập Giấy đề nghị gia hạn nợ (theo mẫu số 09A/TD) gửi Tổ trưởng Tổ Tiết kiệm và vay vốn (TK&VV).

2. Tổ trưởng Tổ TK&VV

Tiếp nhận Giấy đề nghị gia hạn nợ của khách hàng, kiểm tra các thông tin và ký xác nhận trên Giấy đề nghị gia hạn nợ để gửi tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác cấp xã.

3. Tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác cấp xã tiếp nhận Giấy đề nghị gia hạn nợ, kiểm tra thực tế nguyên nhân chưa trả được nợ của khách hàng.

- Nếu khách hàng đủ điều kiện gia hạn nợ theo quy định tại Điều 5 Quy định này thì tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác cấp xã ghi ý kiến “Đề nghị cho gia hạn nợ” và ký tên, đóng dấu trên Giấy đề nghị gia hạn nợ để trình Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

- Nếu khách hàng không đủ điều kiện gia hạn nợ theo quy định tại Điều 5 Quy định này thì tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác cấp xã ghi ý kiến “Đề nghị không cho gia hạn nợ” và nêu rõ lý do; ký tên, đóng dấu trên Giấy đề nghị gia hạn nợ để gửi NHCSXH nơi cho vay.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận Giấy đề nghị gia hạn nợ đã có ý kiến “Đề nghị cho gia hạn nợ” của tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác cấp xã, nếu đồng ý cho gia hạn nợ ghi ý kiến “Đề nghị gia hạn nợ”. Trường hợp không đồng ý cho gia hạn nợ thì ghi “Đề nghị không cho gia hạn nợ” và nêu rõ lý do. Sau đó, ký tên và đóng dấu trên Giấy đề nghị gia hạn nợ để chuyển cho tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác cấp xã.

c) Tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác cấp xã gửi Giấy đề nghị gia hạn nợ cho cán bộ tín dụng trước ngày đến hạn trả nợ cuối cùng tối thiểu 03 ngày làm việc hoặc chậm nhất vào ngày giao dịch xã theo lịch cố định của kỳ giao dịch có nợ đến hạn (đối với các khoản vay được đăng ký giao dịch tại Điểm giao dịch xã).

4. Ngân hàng Chính sách xã hội

4.1. Trường hợp Tổng Giám đốc có văn bản ủy quyền cho Giám đốc NHCSXH nơi cho vay quyết định việc gia hạn nợ, NHCSXH nơi cho vay thực hiện như sau:

a) Trường hợp tiếp nhận Giấy đề nghị gia hạn nợ trước ngày giao dịch xã hoặc tại Điểm giao dịch xã vào ngày giao dịch nhưng món vay chưa đến hạn trả nợ cuối cùng.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận Giấy đề nghị gia hạn nợ, cán bộ tín dụng thực hiện các nội dung sau:

(i) Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của Giấy đề nghị gia hạn nợ; kiểm tra thực tế (nếu cần); hoàn thiện nội dung phân phê duyệt của NHCSXH trình Trưởng phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ tín dụng/Tổ trưởng Tổ Kế hoạch - Nghiệp vụ kiểm soát để trình Giám đốc phê duyệt cho gia hạn nợ.

(ii) Chuyển Giấy đề nghị gia hạn nợ của khách hàng cho bộ phận kế toán để thực hiện gia hạn nợ trên hệ thống Intellect, ghi vào Hợp đồng tín dụng/Sổ vay vốn ngân hàng lưu giữ và lưu vào hồ sơ vay vốn của khách hàng.

(iii) Lập 01 liên Thông báo kết quả phê duyệt gia hạn nợ (theo mẫu số 09.1/TD) trình Giám đốc phê duyệt, chuyển cho Tổ trưởng Tổ TK&VV để thông báo và gửi cho khách hàng lưu giữ.

(iv) Nếu không phê duyệt cho gia hạn nợ (bao gồm cả trường hợp do tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác cấp xã hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã có ý kiến “Đề nghị không cho gia hạn nợ”), lập 01 liên Thông báo danh sách khách hàng không được gia hạn nợ (mẫu số 09.2/TD) trình Giám đốc phê duyệt, gửi cho Tổ trưởng Tổ TK&VV để thông báo, đôn đốc khách hàng thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Giấy đề nghị gia hạn nợ trong trường hợp này được lưu tại bộ phận tín dụng.

b) Trường hợp tiếp nhận Giấy đề nghị gia hạn nợ tại Điểm giao dịch xã vào ngày giao dịch và món vay đến hạn trả nợ cuối cùng, cán bộ tín dụng thực hiện các nội dung sau:

- Tại Điểm giao dịch xã, thực hiện kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của Giấy đề nghị gia hạn nợ; kiểm tra thực tế (nếu cần); hoàn thiện nội dung phân phê duyệt của NHCSXH và ký trên Giấy đề nghị gia hạn nợ.

- Khi trở về trụ sở ngân hàng, trình Trưởng phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ tín dụng/Tổ trưởng Tổ Kế hoạch - Nghiệp vụ kiểm soát để trình Giám đốc phê duyệt cho gia hạn nợ.

- Thực hiện các nội dung (ii), (iii), (iv) nêu tại tiết a điểm 4.1 khoản 4 Điều 9 Quy định này, đảm bảo hoàn thành việc gia hạn nợ trên hồ sơ và trên hệ thống Intellect trước khi khóa sổ kế toán của ngày giao dịch đó.

- Trường hợp Tổ giao dịch xã trở về trụ sở ngân hàng muộn sau giờ khóa sổ trên hệ thống Intellect, cán bộ tín dụng thực hiện các nội dung sau:

+ Tại điểm giao dịch xã, căn cứ Giấy đề nghị gia hạn nợ đã được kiểm soát và hoàn thiện, lập Danh sách khách hàng đủ điều kiện gia hạn nợ (mẫu số 09.3/TD); chụp, gửi hình ảnh Danh sách mẫu số 09.3/TD và Giấy đề nghị gia hạn nợ về trụ sở ngân hàng. Cán bộ được Giám đốc phân công thực hiện kiểm soát và trình Giám đốc phê duyệt trên Danh sách mẫu số 09.3/TD, chuyển cho bộ phận kế toán thực hiện gia hạn nợ trên hệ thống Intellect và ghi vào Hợp đồng tín dụng/Sổ vay vốn ngân hàng lưu giữ, hoàn thành trước khi khóa sổ kế toán của ngày giao dịch.

+ Khi trở về trụ sở Ngân hàng, trình Trưởng phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ tín dụng/Tổ trưởng Tổ Kế hoạch - Nghiệp vụ kiểm soát, trình Giám đốc phê duyệt cho gia hạn nợ trên Giấy đề nghị gia hạn nợ của từng khách hàng đảm bảo khớp đúng với nội dung đã phê duyệt trên Danh sách mẫu số 09.3/TD; thực hiện các nội dung (ii), (iii), (iv) nêu tại tiết a điểm 4.1 khoản 4 Điều 9 Quy định này; lưu Danh sách mẫu số 09.3/TD tại bộ phận tín dụng.

4.2. Trường hợp Tổng Giám đốc không ủy quyền cho Giám đốc NHCSXH nơi cho vay quyết định việc gia hạn nợ

a) Tại NHCSXH nơi cho vay

Tiếp nhận Giấy đề nghị gia hạn nợ, phân công cán bộ tín dụng thực hiện kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của Giấy đề nghị gia hạn nợ, kiểm tra thực tế (nếu cần), hoàn thiện nội dung phần phê duyệt của NHCSXH trình Trưởng phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ tín dụng/Tổ trưởng Tổ Kế hoạch - Nghiệp vụ kiểm soát; lập 02 liên Biểu tổng hợp đề nghị gia hạn nợ (mẫu số 09.4/TD) trình Giám đốc NHCSXH nơi cho vay ký, 01 liên gửi NHCSXH cấp tỉnh.

b) Tại NHCSXH cấp tỉnh

Giám đốc NHCSXH cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức kiểm tra đề nghị gia hạn nợ do NHCSXH nơi cho vay gửi và tổng hợp toàn chi nhánh, lập 02 liên Biểu tổng hợp đề nghị gia hạn nợ (mẫu số 09.4/TD), 01 liên lưu tại NHCSXH cấp tỉnh và 01 liên gửi Hội sở chính.

c) Tại Hội sở chính NHCSXH

Ban Quản lý và Xử lý nợ rủi ro tiếp nhận đề nghị gia hạn nợ, tổ chức kiểm tra đề nghị gia hạn nợ của toàn hệ thống, lập Biểu tổng hợp đề nghị gia hạn nợ (mẫu số 09.4/TD) trình Tổng Giám đốc xem xét, quyết định.

d) Thông báo và hạch toán kết quả gia hạn nợ

- Căn cứ vào Quyết định gia hạn nợ của Tổng Giám đốc, Hội sở chính gửi thông báo kèm Danh sách gia hạn nợ (mẫu số 09.5/TD) cho chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh để gửi NHCSXH nơi cho vay thực hiện.

- Sau khi nhận được thông báo, NHCSXH nơi cho vay thực hiện tiếp các nội dung (ii), (iii), (iv) nêu tại tiết a điểm 4.1 khoản 4 Điều 9 Quy định này.

5. Công khai kết quả gia hạn nợ

a) Tại cuộc họp giao ban tại xã, NHCSXH nơi cho vay thông báo cụ thể các trường hợp được gia hạn nợ, thời gian được gia hạn nợ để tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác, Ban quản lý Tổ TK&VV tiếp tục theo dõi việc sử dụng vốn vay và đôn đốc hộ vay trả nợ khi đến hạn; đồng thời, thông báo cụ thể các trường hợp khách hàng không được gia hạn nợ, nêu rõ lý do để tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác, Ban quản lý Tổ TK&VV nắm bắt và thực hiện đôn đốc người vay thực hiện nghĩa vụ trả nợ đến hạn theo quy định.

b) Tại buổi sinh hoạt Tổ TK&VV, Ban quản lý Tổ có trách nhiệm thông báo và gửi Thông báo kết quả phê duyệt gia hạn nợ cho các khách hàng được NHCSXH cho gia hạn nợ; thông báo các trường hợp không được gia hạn nợ và lý do không được gia hạn nợ để khách hàng biết, có kế hoạch trả nợ và các thành viên Tổ TK&VV cùng giám sát.

Điều 10. Trình tự thực hiện gia hạn nợ đối với khách hàng vay vốn theo phương thức cho vay trực tiếp

1. Khách hàng

Trước ngày đến hạn trả nợ cuối cùng, tối đa 03 tháng và tối thiểu 05 ngày làm việc, do nguyên nhân quy định tại Điều 6 Quy định này dẫn đến chưa trả được nợ và có nhu cầu gia hạn nợ, khách hàng lập Giấy đề nghị gia hạn nợ (theo mẫu số 09B/TD) gửi NHCSXH nơi cho vay.

2. Ngân hàng Chính sách xã hội

2.1. Trường hợp Tổng Giám đốc có văn bản ủy quyền cho Giám đốc NHCSXH nơi cho vay quyết định việc gia hạn nợ, NHCSXH nơi cho vay thực hiện như sau:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận Giấy đề nghị gia hạn nợ, cán bộ tín dụng thực hiện các nội dung sau:

a) Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của Giấy đề nghị gia hạn nợ, kiểm tra thực tế nguyên nhân chưa trả được nợ của khách hàng. Trường hợp khách hàng đủ điều kiện gia hạn nợ theo quy định tại Điều 5 Quy định này, hoàn thiện nội dung phân phê duyệt của NHCSXH trình Trưởng Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ tín dụng/Tổ trưởng Tổ Kế hoạch - Nghiệp vụ kiểm soát. Trường hợp cần thiết, Trưởng Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ tín dụng/Tổ trưởng Tổ Kế hoạch - Nghiệp vụ có thể thực hiện thẩm tra lại, sau đó trình Giám đốc phê duyệt cho gia hạn nợ.

b) Chuyển Giấy đề nghị gia hạn nợ của khách hàng cho bộ phận kế toán để thực hiện gia hạn nợ trên hệ thống Intellect, ghi vào Hợp đồng tín dụng/Sổ vay vốn ngân hàng lưu giữ và lưu vào hồ sơ vay vốn của khách hàng.

c) Lập 01 liên Thông báo kết quả phê duyệt gia hạn nợ (theo mẫu số 09.1/TD) trình Giám đốc phê duyệt và gửi cho khách hàng lưu giữ.

d) Nếu không phê duyệt cho gia hạn nợ, lập 01 liên Thông báo danh sách khách hàng không được gia hạn nợ (mẫu số 09.2/TD) trình Giám đốc phê duyệt và gửi cho khách hàng. Giấy đề nghị gia hạn nợ trong trường hợp này được lưu tại bộ phận tín dụng.

2.2. Trường hợp Tổng Giám đốc không ủy quyền cho Giám đốc NHCSXH nơi cho vay quyết định việc gia hạn nợ

a) Tại NHCSXH nơi cho vay

Tiếp nhận Giấy đề nghị gia hạn nợ, phân công cán bộ tín dụng thực hiện kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của Giấy đề nghị gia hạn nợ, kiểm tra thực tế (nếu cần), hoàn thiện nội dung phân phê duyệt của NHCSXH trình Trưởng phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ tín dụng/Tổ trưởng Tổ Kế hoạch - Nghiệp vụ kiểm soát; lập

02 liên Biểu tổng hợp đề nghị gia hạn nợ (mẫu số 09.4/TD) trình Giám đốc NHCSXH nơi cho vay ký, 01 liên gửi NHCSXH cấp tỉnh.

b) Tại NHCSXH cấp tỉnh

Giám đốc NHCSXH cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức kiểm tra đề nghị gia hạn nợ do NHCSXH nơi cho vay gửi và tổng hợp toàn chi nhánh, lập 02 liên Biểu tổng hợp đề nghị gia hạn nợ (mẫu số 09.4/TD), 01 liên lưu tại NHCSXH cấp tỉnh và 01 liên gửi Hội sở chính.

c) Tại Hội sở chính NHCSXH

Ban Quản lý và Xử lý nợ rủi ro tiếp nhận đề nghị gia hạn nợ, tổ chức kiểm tra đề nghị gia hạn nợ của toàn hệ thống, lập Biểu tổng hợp đề nghị gia hạn nợ (mẫu số 09.4/TD) trình Tổng Giám đốc xem xét, quyết định.

d) Thông báo và hạch toán kết quả gia hạn nợ

- Căn cứ vào Quyết định gia hạn nợ của Tổng Giám đốc, Hội sở chính gửi thông báo kèm Danh sách gia hạn nợ (mẫu số 09.5/TD) cho chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh để gửi NHCSXH nơi cho vay thực hiện.

- Sau khi nhận được thông báo, NHCSXH nơi cho vay thực hiện tiếp các nội dung nêu tại tiết b, c, d điểm 2.1 khoản 2 Điều 10 Quy định này.

Mục 2

GIA HẠN NỢ BỊ RỦI RO THEO QUY ĐỊNH TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 50/2010/QĐ-TTg VÀ QUYẾT ĐỊNH SỐ 08/2021/QĐ-TTg

Điều 11. Điều kiện gia hạn nợ bị rủi ro

Khách hàng được xem xét gia hạn nợ bị rủi ro khi có đủ các điều kiện sau:

1. Khách hàng thuộc đối tượng được vay vốn theo quy định, sử dụng vốn vay đúng mục đích.
2. Khách hàng đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 62/QĐ-HĐQT ngày 27/9/2021 của Hội đồng quản trị NHCSXH về việc ban hành Quy định xử lý nợ bị rủi ro trong hệ thống NHCSXH.

Điều 12. Thời gian gia hạn nợ bị rủi ro

Thực hiện theo điểm c khoản 1 Điều 6 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 62/QĐ-HĐQT.

Điều 13. Hồ sơ gia hạn nợ bị rủi ro

Thực hiện theo khoản 1 Điều 8 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 62/QĐ-HĐQT.

Điều 14. Trình tự thực hiện gia hạn nợ bị rủi ro

Thực hiện theo Điều 9 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 62/QĐ-HĐQT.

**Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 15. Thẩm quyền và trách nhiệm gia hạn nợ****1. Tổng Giám đốc NHCSXH**

a) Quyết định việc gia hạn nợ đối với khách hàng. Trường hợp thực hiện ủy quyền việc gia hạn nợ, Tổng Giám đốc NHCSXH có văn bản ủy quyền cho Giám đốc NHCSXH nơi cho vay quyết định việc gia hạn nợ theo quy định về gia hạn nợ tại Quy định này.

b) Tổ chức chỉ đạo các đơn vị trong hệ thống NHCSXH thực hiện đúng Quy định này; đồng thời tổ chức thông tin, tuyên truyền để thực hiện kịp thời, đúng quy định về gia hạn nợ tại Quy định này.

c) Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước các cơ quan quản lý Nhà nước và trước Hội đồng quản trị về thực hiện xử lý gia hạn nợ cho khách hàng vay tại NHCSXH theo đúng các quy định pháp luật và Quy định này; đảm bảo tính đầy đủ, pháp lý của hồ sơ, tính chính xác của số liệu gia hạn nợ.

2. Giám đốc NHCSXH nơi cho vay

a) Quyết định việc gia hạn nợ đối với khách hàng theo ủy quyền của Tổng Giám đốc NHCSXH và theo đúng Quy định này.

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Tổng Giám đốc NHCSXH về tính đầy đủ, pháp lý của hồ sơ, tính chính xác của số liệu gia hạn nợ và lưu trữ hồ sơ theo quy định.

Điều 16. Tổng Giám đốc, Giám đốc các Ban, Trung tâm tại Hội sở chính, Giám đốc Sở giao dịch, Giám đốc chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh, Giám đốc Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện, khách hàng tại NHCSXH và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy định này. Mọi sửa đổi, bổ sung Quy định này do Hội đồng quản trị NHCSXH xem xét, quyết định./.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 09A/TD
Lập 01 liên lưu NH

GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN NỢ

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội.....

Họ và tên khách hàng: Năm sinh:.....

Nơi cư trú:

Là tổ viên Tổ tiết kiệm và vay vốn do ông (bà):.....

làm Tổ trưởng, thuộc tổ chức Hội, đoàn thể quản lý.

Hiện nay, tôi đang vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội, cụ thể như sau:

- Mã khoản vay:..... thuộc chương trình cho vay.....

- Số tiền nợ gốc: đồng; số tiền nợ lãi:..... đồng

Theo thỏa thuận đã ký với Ngân hàng, tôi phải trả số tiền trên vào ngày...../...../.....

nhưng chưa trả được vì lý do:.....

.....

Đề nghị Ngân hàng xem xét cho gia hạn khoản nợ gốc đồng;

thời gian đề nghị: tháng; kế hoạch trả nợ..... tháng/kỳ với số

tiền:.....đồng/kỳ, số tiền trả nợ kỳ cuốiđồng.

Tôi xin cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích; trả nợ gốc và lãi đầy đủ, đúng hạn. Nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TỔ TK&VV

(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người vay

(Ký, ghi rõ họ tên hoặc điểm chỉ)

Ý kiến của tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác cấp xã

.....

Ngày tháng năm

Chủ tịch/Bí thư

(Ký tên, đóng dấu)

Xác nhận của UBND cấp xã

.....

Ngày tháng năm

Chủ tịch

(Ký tên, đóng dấu)

PHÊ DUYỆT CỦA NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

- Số tiền được gia hạn nợ làđồng

- Thời gian gia hạn nợ: Từ ngày/...../..... đến ngày/...../.....

Ngày.....tháng.....năm.....

CÁN BỘ TÍN DỤNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG PHÒNG KH-NVTD

(**TỔ TRƯỞNG KH-NV**)

(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 09B/TD
Lập 01 liên lưu NH

GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN NỢ

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội.....

Tên khách hàng vay vốn:.....
Địa chỉ:.....; Điện thoại:.....
Người đại diện hoặc được ủy quyền vay vốn:
Chức vụ.....
Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:; ngày cấp/...../.....
Nơi cấp.....
Hiện nay, tôi/chúng tôi đang vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội, cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số..... ngày...../...../.....
 - Mã khoản vay:..... thuộc chương trình cho vay.....
 - Số tiền nợ gốc: đồng; số tiền nợ lãi:..... đồng
- Theo thỏa thuận đã ký với Ngân hàng, tôi/chúng tôi phải trả số tiền trên vào ngày...../...../..... nhưng chưa trả được vì lý do:.....

Đề nghị Ngân hàng xem xét cho gia hạn khoản nợ gốc đồng; thời gian đề nghị: tháng; kế hoạch trả nợ..... tháng/kỳ với số tiền:.....đồng/kỳ, số tiền trả nợ kỳ cuốiđồng. Tôi/chúng tôi xin cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích; trả nợ gốc và lãi đầy đủ, đúng hạn. Nếu sai tôi/chúng tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

....., ngày.....tháng....năm.....

Khách hàng vay vốn

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

PHÊ DUYỆT CỦA NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

- Số tiền được gia hạn nợ làđồng
- Thời gian gia hạn nợ: Từ ngày/...../..... đến ngày/...../.....

Ngày.....tháng.....năm.....

CÁN BỘ TÍN DỤNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG PHÒNG KH-NVTD
(TỔ TRƯỞNG KH-NV)
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 09.1/TD
Lập 01 liên lưu khách hàng

NHCSXH..... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO KẾT QUẢ PHÊ DUYỆT GIA HẠN NỢ

Kính gửi:

Địa chỉ:

Ngân hàng Chính sách xã hội đã phê duyệt cho gia hạn nợ theo Giấy đề nghị gia hạn nợ ngày/...../..... của Quý khách hàng cụ thể như sau:

- Mã món vay: thuộc chương trình tín dụng:

- Số tiền nợ gốc: đồng;

(Bằng chữ:))

- Hạn trả nợ đến ngày:/...../.....

Vậy, Ngân hàng Chính sách xã hội thông báo để Quý khách hàng theo dõi kỳ hạn trả nợ mới và thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng thời hạn đã được phê duyệt./.

Ngày.....tháng.... năm.....

Cán bộ tín dụng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

NHCSXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 09.2/TD
Lập 01 liên lưu Tổ TK&VV (c.vay ủy
thác) hoặc lưu khách hàng (c.vay trực
tiếp)

THÔNG BÁO
DANH SÁCH KHÁCH HÀNG KHÔNG ĐƯỢC GIA HẠN NỢ

STT	Khách hàng	Địa chỉ	Món vay	Chương trình	Ngày đến hạn trả nợ	Số tiền nợ gốc (đồng)	Lý do không được gia hạn nợ
1	2	3	4	5	6	7	8
	Tổng cộng						

Ngân hàng Chính sách xã hội không phê duyệt cho gia hạn nợ theo Giấy đề nghị gia hạn nợ của Quý khách hàng có tên trên và chuyển số tiền vay của Quý khách hàng sang nợ quá hạn kể từ ngày đến hạn trả nợ (cột 6).

Đề nghị Quý khách hàng có tên trên thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay Ngân hàng Chính sách xã hội theo đúng thỏa thuận đã ký./.

....., ngàytháng.....năm.....

Cán bộ tín dụng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

NHCSXH

Mẫu số 09.3/TD
Lập 01 liên lưu NH

DANH SÁCH KHÁCH HÀNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN GIA HẠN NỢ
Tại xã

TT	Họ tên khách hàng	Họ tên Tổ trưởng Tổ TK&VV	Mã Tổ TK&VV	Địa chỉ (thôn)	Mã món vay	Chương trình	Dư nợ gốc (đồng)	Ngày đến hạn trước gia hạn .../.../...	Ngày đến hạn sau gia hạn .../.../...
1									
2									
...									
	Tổng cộng								

....., ngày..... tháng năm 20....

Cán bộ tín dụng

(Ký, ghi rõ họ tên)

PHÊ DUYỆT

Đồng ý phê duyệt Danh sách người vay đủ điều kiện gia hạn nợ nêu trên

Kiểm soát ¹

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký tên, đóng dấu)

¹ Cán bộ kiểm soát do Giám đốc NHCSXH nơi cho vay phân công căn cứ vào thực tế tại đơn vị.

NHCSXH

Mẫu số 09.4/TĐ
 NHCSXH cấp huyện gửi cấp tỉnh;
 NHCSXH cấp tỉnh tổng hợp gửi TW

BIỂU TỔNG HỢP ĐỀ NGHỊ GIA HẠN NỢ

TT	Chương trình; Quận/huyện/thị xã; Họ và tên	Địa chỉ (xã/phường/thị trấn)	Mã món vay	Ngày đến hạn trả nợ	Thời hạn vay (tháng)	Đề nghị gia hạn nợ	
						Số tiền gia hạn nợ (VNĐ)	Thời gian gia hạn nợ (tháng)
A	Hộ nghèo						
	Huyện A						
1	Nguyễn Văn A						
2						
	Huyện B						
						
B	Giải quyết việc làm						
	Huyện A						
1	Nguyễn Văn B						
						
	Tổng cộng						

LẬP BIỂU
 (Ký, ghi rõ họ tên)

KIỂM SOÁT
 (Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày ... tháng năm 20....
GIÁM ĐỐC
 (Ký tên, đóng dấu)

NHCSXH

Mẫu số 09.5/TĐ

DANH SÁCH GIA HẠN NỢ*(Kèm theo Quyết định số/QĐ-NHCS ngày/.../.... của Tổng Giám đốc NHCSXH)***Chi nhánh NHCSXH tỉnh/thành phố**

TT	Chương trình; Quận/huyện/thị xã; Họ và tên	Địa chỉ (xã/phường/thị trấn)	Mã món vay	Ngày đến hạn trả nợ	Thời hạn vay (tháng)	Số tiền gia hạn (VNĐ)	Thời gian gia hạn nợ (tháng)
A	Hộ nghèo						
	Huyện A						
1	Nguyễn Văn A						
2						
	Huyện B						
						
B	Giải quyết việc làm						
	Huyện A						
1	Nguyễn Văn B						
						
	Tổng cộng						

LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

KIỂM SOÁT
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày ... tháng năm 20....
GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)